

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 03-6-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bẩm

Ông Vũ Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Quảng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Bích N; nơi ĐKKHKT: Đường A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Khắc T; nơi cư trú: Đường A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15 tháng 02 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2003, chị Lê Bích N và anh Phạm Khắc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 29/9/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2020, mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 6 năm 2020, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Quá trình sống ly thân, anh T không có động thái mong muốn hàn gắn mà thường xuyên chặn giữa đường, đến nhà bố mẹ chị N và nơi chị N làm việc để chửi bới, lăng mạ chị. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị N đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh T.

- Về việc nuôi con: Chị N và anh T có hai con chung là Phạm Quỳnh Chi, sinh ngày 29/12/2003 và Phạm Thảo Vy, sinh ngày 27/10/2010. Khi ly hôn, cháu Phạm Quỳnh Chi đã trưởng thành nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cháu Phạm Thảo Vy, chị N đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về việc chia tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi được lời khai của anh T và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn anh T. Về việc nuôi con, con

lớn là Phạm Quỳnh Chi, sinh ngày 29/12/2003 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; giao con Phạm Thảo Vy, sinh ngày 27/10/2010 cho chị N trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về việc chia tài sản, chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Chị Lê Bích N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Phạm Khắc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Phạm Khắc T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Lê Bích N và anh Phạm Khắc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của chị N và anh T qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập thể hiện sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc nuôi con:

[4] Chị Lê Bích N và anh Phạm Khắc T có hai con chung là Phạm Quỳnh Chi, sinh ngày 29/12/2003 và Phạm Thảo Vy, sinh ngày 27/10/2010. Cháu Phạm Quỳnh Chi đã trưởng thành nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Thảo Vy cho chị nuôi; cháu Vy cũng có nguyện vọng

được ở với mẹ. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu của chị Lê Bích N phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

+ Về việc chia tài sản:

[5] Chị Lê Bích N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí:

[6] Chị Lê Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Bích N được ly hôn anh Phạm Khắc T.

2. Về việc nuôi con: Chị Lê Bích N và anh Phạm Khắc T có hai con chung là Phạm Quỳnh Chi, sinh ngày 29/12/2003 và Phạm Thảo Vy, sinh ngày 27/10/2010. Cháu Phạm Quỳnh Chi đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giao cháu Phạm Thảo Vy cho chị Lê Bích N trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Lê Bích N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị Lê Bích N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Bích N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006594 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Lê Bích N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn chị Lê Bích N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Phạm Khắc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Dương sự;
- UBND phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 29/9/2003);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hảo